



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên **iOS và Android**, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 15/2023

(04/04/2023 – 10/04/2023)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI bật tăng thêm 148 điểm, hiện ở mức 1.560 điểm. Tuy vậy, tuần qua thị trường mua bán tương đối ít hoạt động do nhiều ngày lễ toàn cầu, đặc biệt là lễ Phục sinh và lễ Ramadan. Ở phân khúc Handymax, tàu **Geat Wisdom** (45.659 dwt, đóng 2000 tại xưởng Tsuneishi Cebu, Philippines, DD/SS 01/2025) bán với giá khoảng 7 triệu đô la Mỹ - mức này rất rẻ trong thời điểm hiện nay. Đã rất lâu rồi mới ghi nhận tàu Handymax bán trên thị trường nên các chủ tàu sẽ xem đây là cơ sở tham chiếu cho các tàu tương tự. Ở phân khúc Handysize trẻ, tàu **Miner** (33.002 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, DD 08/2023, SS 07/2025) bán với giá khoảng 10,5 triệu đô la Mỹ. Giá tàu **Miner** tương đối cạnh tranh so với các tàu khác do chủ tàu Hy Lạp Costamare muốn bán tàu nhanh và tàu sắp đến hạn lên đà trung gian. Ở phân khúc Handysize già, người Mua Trung Quốc đầu tư 8,8 triệu đô la Mỹ mua tàu **Black Forest** (32.751 dwt, đóng 2003 Nhật, đã lắp hệ thống xử lý nước dằn, chờ được gỗ). Được biết tàu **Black Forest** sắp đến hạn kiểm tra DD/SS 08/2023 và chủ tàu Pacific Basin thường bảo dưỡng tàu không được tốt lắm. Cách đây một tháng tàu **Crux** (32.744 dwt, đóng 2002 Nhật, DD 10/2023, SS 07/2025) giá hơn một tuổi bán với giá khoảng 7,7 triệu đô la Mỹ. Tuần trước một tàu handysize già là **En Ocean** (27.865 dwt, đóng 1997 Nhật, chờ được gỗ) bán với giá 4,5 triệu đô la Mỹ. Dù tàu vừa qua đà đầu năm 2023 và đã lắp hệ thống xử lý nước dằn song mức giá trên tương đối mềm. Tuy nhiên điều này khá dễ hiểu do các tàu già tương đối ít người mua quan tâm và hiện tại việc khai thác vướng nhiều khó khăn. Đơn cử như Ấn Độ hạn chế các tàu trên 25 tuổi và chính quyền cảng cũng tăng cường kiểm tra các tàu già trong thời gian gần đây. Do đó các tàu già giá phải rẻ và hợp lý mới thu hút được Người mua.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, cước thuê tàu hiện đang phân hóa rõ ở nhiều khu vực. Đơn cử như cầu chở dầu thô tăng giúp các cỡ tàu như VLCC và Aframax hưởng lợi, trong khi đó cước thuê các tàu hóa chất lại đang kém hơn một chút. Tương tự thị trường tàu hàng khô, tuần qua thị trường chứng lại một nhịp do có nhiều ngày lễ nên không ghi nhận nhiều giao dịch thuê tàu lần mua bán. Trên thực tế nhiều chủ tàu và người Mua đang rất tích cực đàm phán nên dự kiến 1-2 tuần tới số giao dịch sẽ đông trở lại. Tuần qua giao dịch đáng chú ý chỉ có cặp tàu hóa chất 17.777 dwt, đóng 2008 Trung Quốc là **SFL Elbe** (DD/SS 10/2023) và **SFL Weser** (DD/SS due 04/2023) được bán với giá lần lượt là 9,9 triệu đô la Mỹ và 9,6 triệu đô la Mỹ, cả hai tàu đều đã lắp hệ thống xử lý nước dằn. Đây cũng có thể xem là mốc tham chiếu do tàu dạng này chủ yếu ghi nhận tàu đóng Hàn Quốc.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS						
Aquavictory	2010	Denmark	182,060	26.50	Undisclosed	DD 08/2023, SS 12/2025
Aquaexplorer	2012	Korea	178,929	28.50	Undisclosed	DD 09/2025, SS 06/2027
Maran Pioneer	2004	Korea	171,681	16.60	Undisclosed	BWTS & scrubber fitted, DD/SS 08/2024
All Star Atlas	2014	China	63,250	24.50	Undisclosed	Bss dely 09-11/2023, DD/SS 01/2024
Roslyn	2009	China	57,012	13.90	Undisclosed	
Chris	2010	China	56,838	13.40	Undisclosed	BWTS fitted, DD 05/2024, SS 06/2025
Universal Bangkok	2012	China	56,729	15.80	Undisclosed	BWTS fitted, DD 07/2025, SS 02/2027
Geat Wisdom	2000	Tsuneishi Cebu, Philippines	45,659	7.00	Undisclosed	DD/SS 01/2025
Eldoris	2011	Korea	36,045	16.00	Undisclosed	BWTS fitted, DD 12/2024, SS 10/2026
Miner	2010	China	33,002	10.50	Greek	BWTS fitted, DD 08/2023, SS 07/2025, Greek owner
Black Forest	2003	Japan	32,751	8.80	Undisclosed	BWTS fitted, log-fitted, DD/SS 08/2023
TANKERS						
SFL Elbe	2008	China	17,777	9.90	Undisclosed	BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy coated, ice class II, DD/SS 10/2023
SFL Weser	2008	China	17,777	9.60		BWTS fitted, chemical IMO II, epoxy coated, ice class II, DD/SS due 04/2023
Victoria 267	1996	Korea	6,491	2.50	Undisclosed	KR Class withdrawn
CONTAINER						
CMA CGM Pelleas	2008	Korea	120,854	52.30	CMA CGM	Sold to vessel's charterers, 9681 teu, BWTS fitted, M/E Wartsila, DD/SS 08/2023
Spirit of Lisbon	2010	China	50,249	24.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD/SS 12/2024
Pohorje	2006	China	52,683	21.00	MSC	4043 teu, BWTS fitted, M/E Sulzer, DD 06/2024, SS 02/2026
Louisa Schulte	2008	China	23,252	11.00	Undisclosed	1740 teu, BWTS fitted, ice class II, DD/SS due 04/2023
Itha Bhum	1996	Japan	21,813	5.00	Chinese	1498 teu, BWTS fitted, DD 09/2024, SS 08/2026

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	03/2023	1M	3M	6M	12M	

CAPESIZE

180k dwt	Resale	64.50	18%	21%	12%	7%	52.00
180k dwt	5 tuổi	54.00	21%	24%	14%	17%	36.25
170k dwt	10 tuổi	33.00	12%	16%	8%	3%	25.75
150k dwt	15 tuổi	21.00	11%	14%	12%	0%	16.25

PANAMAX

82k dwt	Resale	40.00	7%	7%	5%	-8%	33.25
82k dwt	5 tuổi	33.00	8%	8%	5%	-8%	26.25
76k dwt	10 tuổi	24.50	7%	11%	8%	-6%	17.50
74k dwt	15 tuổi	16.25	7%	7%	2%	-7%	11.75

SUPRAMAX

62k dwt	Resale	39.00	7%	7%	4%	-5%	31.00
58k dwt	5 tuổi	31.50	11%	15%	7%	3%	21.00
56k dwt	10 tuổi	21.50	13%	16%	0%	-7%	15.50
52k dwt	15 tuổi	16.00	5%	5%	2%	-11%	10.75

HANDYSIZE

37k dwt	Resale	32.00	8%	12%	3%	-3%	25.25
37k dwt	5 tuổi	26.50	6%	10%	0%	-7%	18.75
32k dwt	10 tuổi	19.00	12%	15%	3%	0%	12.25
28k dwt	15 tuổi	12.75	16%	21%	11%	-2%	7.75

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)					TB 5 năm
	03/2023	1M	3M	6M	12M	

VLCC

310k dwt	Resale	126.00	0%	0%	8%	29%	96.00
310k dwt	5 tuổi	100.50	0%	5%	14%	39%	71.50
250k dwt	10 tuổi	76.50	0%	9%	19%	51%	48.50
250k dwt	15 tuổi	60.50	0%	3%	27%	70%	33.50

SUEZMAX

160k dwt	Resale	86.00	0%	0%	4%	25%	65.75
150k dwt	5 tuổi	69.00	1%	5%	10%	39%	49.00
150k dwt	10 tuổi	54.00	1%	11%	19%	61%	33.50
150k dwt	15 tuổi	34.50	1%	8%	15%	68%	20.50

AFRAMAX

110k dwt	Resale	78.50	3%	3%	8%	34%	53.25
110k dwt	5 tuổi	63.00	0%	4%	10%	38%	39.00
105k dwt	10 tuổi	50.50	0%	11%	19%	80%	26.50
105k dwt	15 tuổi	33.00	0%	10%	18%	86%	16.25

MR

52k dwt	Resale	48.50	0%	0%	2%	18%	38.50
52k dwt	5 tuổi	42.00	0%	4%	4%	38%	29.25
45k dwt	10 tuổi	34.00	5%	11%	15%	74%	19.50
45k dwt	15 tuổi	23.50	9%	9%	21%	88%	12.25

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
LNG	174,000 cbm	258.50	2	Samsung	K-Line	Before end 2026	Price per unit
LPG	86,000 cbm	95.00	2	Kawasaki	Kumiai Navigation	2026	Price per unit, dual-fuelled LPG&Ammonia carrier
Bulker	81,200 dwt	-	2	Tsuneishi Japan	Lauritzen	2026	methanol-fuelled, chartered to Cargill for 7 years
Bulker	40,000 dwt	33.00	2	Nihon Shipyard	Wisdom Marine	2026	Price per unit
Tanker	50,000 dwt	46.25	4	Hyundai Mipo	Nissen Kaiun	FH 2025	Price per unit
Tanker	15,000 dwt	-	2	CMJL Yangzhou	Terntank, Sweden	2026	Chemical tanker, high spec methanol dual-fuelled, TC to Neste

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/2023	1M	3M	6M	12M

Capesize (180.000 dwt)	62.5	2.46%	-2.34%	-4.58%	1.63%
Panamax (77.000 dwt)	34.5	1.47%	-11.54%	-13.75%	-4.17%
Supramax (61.000 dwt)	33.0	4.76%	-9.59%	-12.00%	0.00%
Handysize (37.000 dwt)	30.0	3.45%	-10.45%	-13.04%	-1.64%

Giá trị tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
	03/2023	1M	3M	6M	12M

VLCC (300.000 dwt)	121.0	0.00%	0.00%	0.83%	4.31%
Suezmax (170.000 dwt)	81.5	0.62%	-0.61%	-0.61%	4.49%
A.max (115.000 dwt)	65.0	1.56%	0.00%	0.00%	6.56%
MR (56.000 dwt)	45.5	2.25%	2.25%	3.41%	8.33%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 15/2023 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 15/2023	TUẦN 14/2023	Mức thấp nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 15)	Mức cao nhất năm 2023 (cập nhật tới Tuần 15)
TRANSATLANTIC RV	15,233	12,160	4,830	15,233
TCT CONT/F.EAST	26,465	22,395	14,764	26,465
TCT F.EAST/CONT	9,260	8,916	3,818	9,260
TCT F.EAST RV	14,904	14,298	6,763	14,904
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	13,945	14,625	6,630	17,016
PACIFIC RV	10,663	11,194	5,056	13,531
TCT CONT/F.EAST	19,033	19,863	12,642	19,863

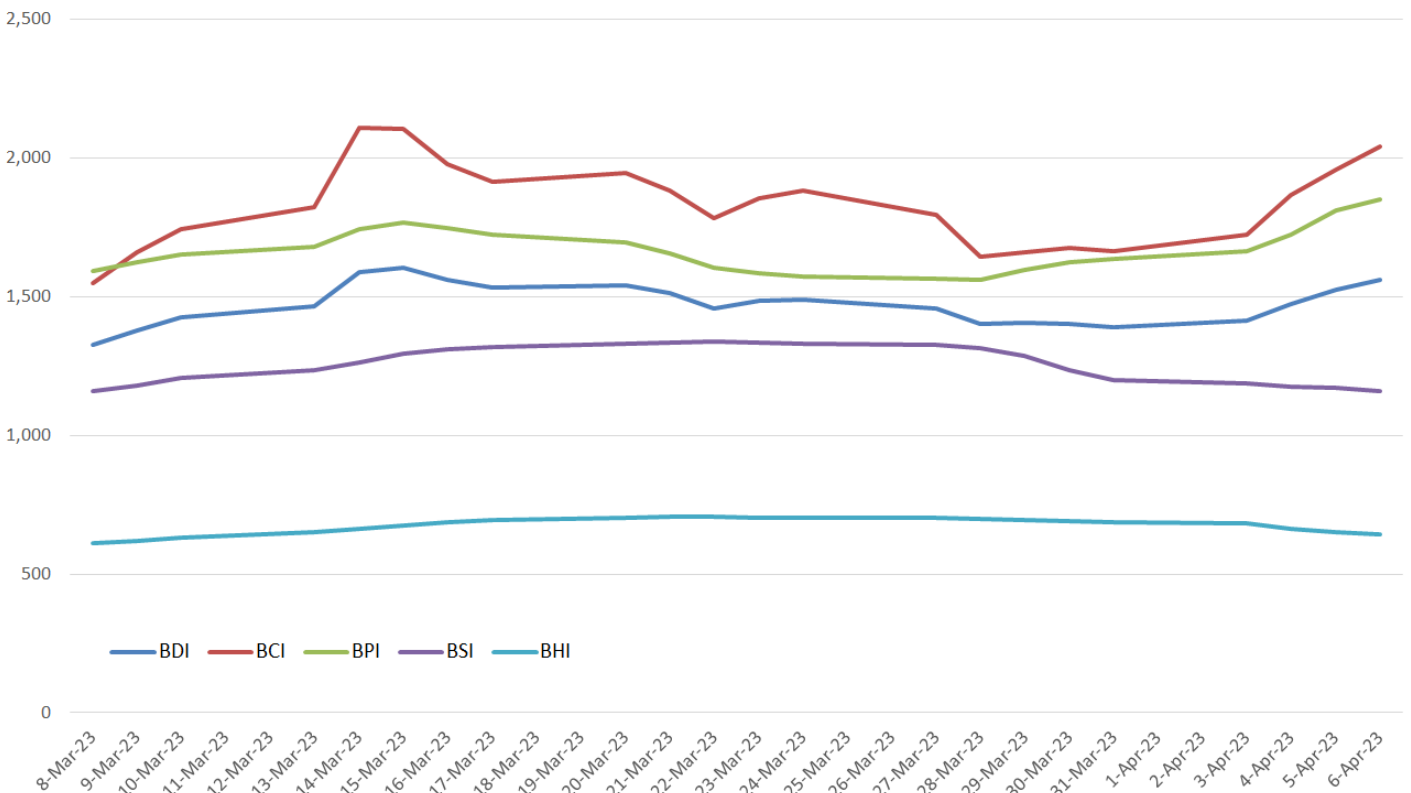
GIÁ THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 06/04/2023

US\$/ngày ▼/▲

SUPRAMAX	12,866	▼	309
HANDIES 38K	11,748	▼	685

(so sánh với giá trị ngày 31/03/2023)

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Theo ghi nhận, Giá xăng dầu hiện tại trên thị trường thế giới tăng mạnh so với phiên giao dịch tuần trước do thị trường và đặc biệt là Mỹ chưa có nhiều động thái đáp trả trước tuyên bố cắt giảm sản lượng dầu của OPEC+. Dự báo trong tuần, giá dầu vẫn sẽ vững trên mức 80 đô la Mỹ/thùng và có thể tiếp tục tăng. Theo một số nguồn tin, OPEC+ sẽ cắt giảm thêm sản lượng dầu khoảng 1,16 triệu thùng mỗi ngày từ tháng 5. Tổng sản lượng cắt giảm của OPEC+ sẽ lên tới 3,66 triệu thùng/ngày, tương đương 3,7% nhu cầu toàn cầu. Theo các nhà phân tích, nếu giá dầu tại khu vực Trung Đông tiếp tục tăng sẽ khiến các nhà nhập khẩu khu vực Châu Á ưu tiên mua hàng từ Nga và dẫn tới việc đánh mất thị phần của các nhà xuất khẩu Trung Đông. Mặc dù theo ghi nhận, sản lượng xuất khẩu dầu từ Trung Đông trong quý 1 tăng 0.6% so với cùng kỳ năm trước nhưng theo số liệu thống kê việc nhập khẩu dầu của Ấn Độ từ Trung Đông đã giảm 25% trong cùng kỳ xuống mức 2,338 triệu thùng/ngày. Hiện tại, các nhà xuất khẩu từ Trung Đông đang đẩy mạnh việc xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Châu Âu để bù đắp thiệt hại cho việc Trung Quốc chuyển sang nhập khẩu dầu từ Nga.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Theo báo cáo, với nhu cầu trên thị trường giảm trong khi nguồn cung tàu tại khu vực đang có xu hướng tăng lên khiến cho cước tàu VLCC từ khu vực Trung Đông đi Trung Quốc giảm 12% so với tuần trước đó và hiện đang ở mức 50.500 đô la Mỹ/ngày. Cùng với đó, cước tàu trên tuyến Trung Đông/Singapore và Tây Phi/Trung Quốc đồng loạt giảm khoảng 17.000 đô la Mỹ/ngày và hiện đang lần lượt ở mức 54.000 đô la Mỹ/ngày và 53.000 đô la Mỹ/ngày. Theo ghi nhận kể từ thời điểm cuối tháng 3, cước trung bình tàu VLCC giảm hơn 20% trên đơn vị tính WS. Theo dự báo, trong ngắn hạn thị trường tàu VLCC sẽ không có quá nhiều sự biến động.
Phân khúc tàu Suezmax	Các giao dịch của tàu Suezmax cũng đã dịu đi trong tuần vừa qua. Theo ghi nhận, cước trên tuyến Tây Phi/Châu Âu giảm khoảng 12.000 đô la Mỹ/ngày và hiện đang ở mức 51.764 đô la Mỹ/ngày. Đồng thời, cước từ khu vực Trung Đông đi Địa Trung Hải cũng giảm 4.000 đô la Mỹ/ngày xuống mức 15.810 đô la Mỹ/ngày. Hiện tại, các cuộc đình công kéo dài tại Pháp cũng tạo ra sức ép lên mức cước thị trường.
Phân khúc tàu Aframax	Cước tàu Aframax trên tuyến Trung Đông/Singapore đã tăng nhẹ trong tuần vừa qua với nguyên nhân do nguồn cung tàu tại khu vực phía Đông Suez đang được thắt chặt. Trong khi đó, các giao dịch tại Địa Trung Hải đang khá trầm lắng do sụt giảm trong việc xuất khẩu dầu từ khu vực phía Bắc Iraq.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR**, theo báo cáo cước trung bình của các tàu hoạt động tại khu vực Đại Tây Dương hiện đang ở mức 40.600 đô la Mỹ/ngày. Với kỳ nghỉ lễ Phục Sinh diễn ra vào cuối tuần vừa qua cũng khiến các hoạt động giao dịch trên thị trường có phần trầm lắng. Đơn cử, cước trên từ Hà Lan đi Mỹ giảm 15.000 đô la Mỹ/ngày xuống mức 31.200 đô la Mỹ/ngày và đặc biệt chú ý cước trên tuyến Algeria đi khu vực Châu Âu - Địa Trung Hải đã giảm mạnh khoảng 60.000 đô la Mỹ/ngày xuống mức 40.900 đô la Mỹ/ngày.

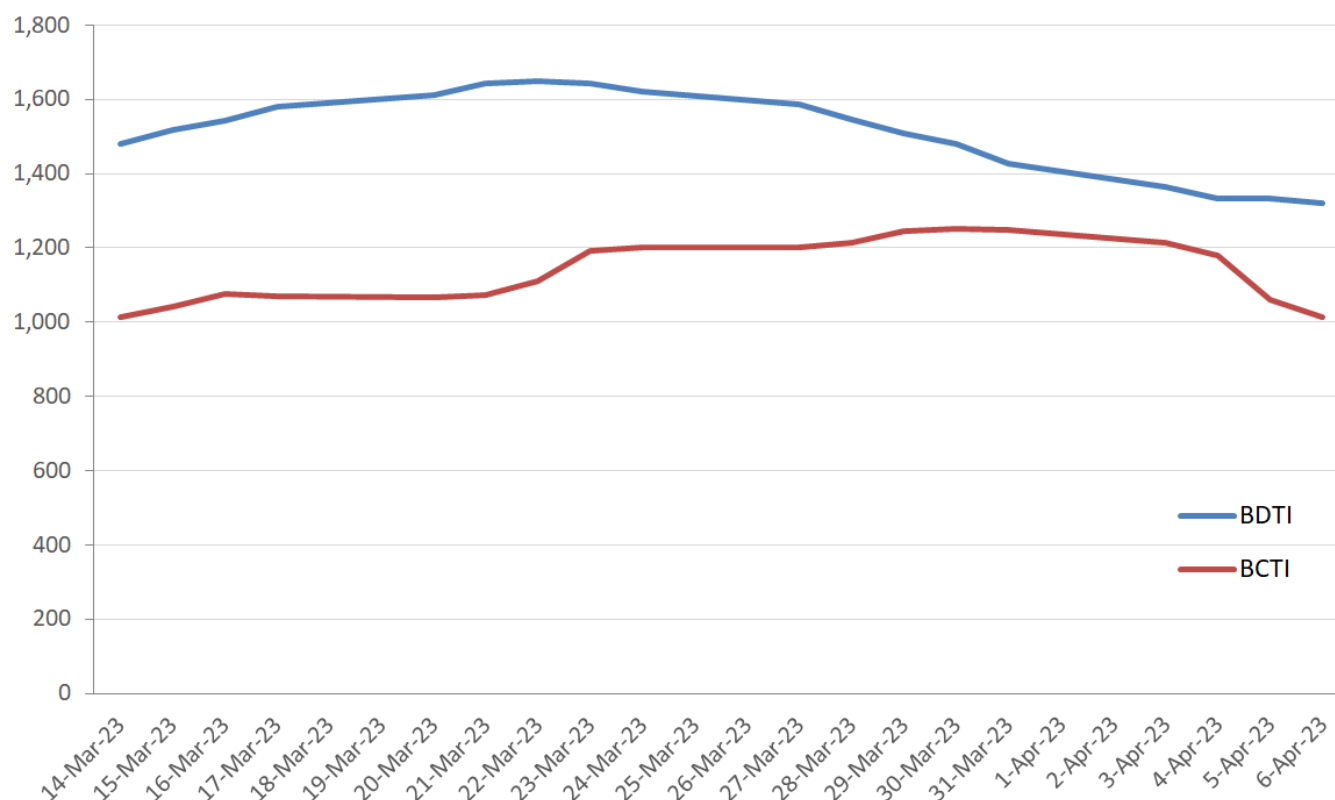
Phân khúc **tàu chở dầu/ hóa chất nhỏ** tiếp tục với xu hướng trầm lắng như những tuần vừa qua. Tại khu vực Trung Đông, lễ Ramadan đang diễn khiến cho các hoạt động giao dịch tại khu vực dường như bị ngừng lại. Dựa vào nhu cầu của người thuê, xu hướng hàng hóa trong nửa đầu tháng 4 được ghi nhận chở methanol từ Jubail đi Viễn Đông và hợp đồng vận chuyển COA hàng baseoil đi bờ Tây Ấn Độ. Xu hướng nửa sau tháng 4, ghi nhận nhu cầu vận chuyển hàng CSS, Baseoil và ethanol đi khu vực phía Tây. Tại thị trường Châu Á, ghi nhận một số đơn hàng chở 5.000 – 7.000 tấn hóa chất của Petronas từ Labuan/Kerteh, Malaysia đi Việt Nam, Thái Lan và Indonexia, tuy nhiên cước vẫn đang ở mức thấp. Đồng thời, các đơn hàng từ khu vực

Đông Nam Á đi lên phía Bắc vẫn khá khan hiếm, ghi nhận đơn hàng 15.000 tấn methanol từ Labuan, Malaysia đi phía Nam Trung Quốc với cước giao động quanh mức 22 đô la Mỹ/tấn. Thị trường dầu cò tiếp tục chạm đáy do các đơn hàng trên thị trường hầu như chưa được ký kết khiến cho nguồn cung tàu tại khu vực tăng lên khá đáng kể. Bên cạnh đó, nguồn hàng từ khu vực phía Bắc xuống phía Nam cũng trầm lắng trong tuần vừa qua do lễ Thanh Minh đang diễn ra tại Trung Quốc. Với xu hướng chung của thị trường, các giao dịch tại khu vực Châu Âu trong tuần vừa qua cũng không có nhiều khởi sắc. Theo ghi nhận, dường như không xuất hiện thêm bất kì hàng hóa nào đi về khu vực phía Đông đối với hóa chất lẫn dầu cò. Đối với các giao dịch trong khu vực, cước chờ hóa chất trên tuyến Cont/Thổ Nhĩ Kỳ-Biển Đen đang ở mức 850 ngàn đến 1 triệu đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 15			Giá thuê tàu định hạn tuần 14		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	48,000	41,000	36,000	47,000	40,000	36,000
SUEZMAX	45,000	36,000	31,000	44,000	35,000	31,000
AFRAMAX	46,000	36,000	29,000	45,000	35,000	28,500
LR-2	44,500	35,000	30,000	43,500	34,000	29,500
LR-1	38,500	29,000	25,500	38,500	28,500	25,000
MR	32,500	25,000	23,000	33,000	24,000	22,500
HANDY	26,000	19,000	18,000	26,500	18,500	17,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	610		630		650	
2	India	570		580		600	
3	Pakistan	540		550		560	
4	Turkey	330		340		350	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG
PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

*Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.*